

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN PHƯỚC LỘC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN PHƯỚC LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUOC LOC INVESTMENT TRADING AND DEVELOPMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: PHUOC LOC INTD ., CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110038454

3. Ngày thành lập: 22/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 65, Tổ dân phố Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917.794.868

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Môi giới thương mại ; - Đại lý thương mại ;	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống; - Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống; - Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản); - Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; - Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; - Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633

10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; Bán buôn bán thành phẩm sắt thép và kim loại màu; (trừ kinh doanh vàng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663

20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...; Bán buôn bột giấy; Bán buôn đá quý; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
21.	Trồng lúa	0111
22.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
23.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
24.	Trồng cây mía	0114
25.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
26.	Trồng cây lấy sợi	0116
27.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác	0119
30.	Trồng cây ăn quả	0121
31.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
32.	Trồng cây điều	0123
33.	Trồng cây hồ tiêu	0124
34.	Trồng cây cao su	0125
35.	Trồng cây cà phê	0126
36.	Trồng cây chè	0127
37.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
38.	Trồng cây lâu năm khác	0129
39.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
40.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
41.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
42.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
43.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
44.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
45.	Chăn nuôi gia cầm	0146
46.	Chăn nuôi khác	0149
47.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150(Chính)
48.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

49.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
50.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
51.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
52.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
53.	Khai thác gỗ	0220
54.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
55.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
56.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
57.	Khai thác thủy sản biển	0311
58.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
59.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
60.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
61.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
62.	Khai thác và thu gom than non	0520
63.	Khai thác dầu thô	0610
64.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
65.	Khai thác quặng sắt	0710
66.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập, nhập khẩu hàng hoá ; - Ủy thác mua bán hàng hóa./.	8299
68.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
69.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản; (trừ đấu giá)	6820
71.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

72.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ; - Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. - Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật thi công, đấu thầu cho công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv . - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv; - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kv; - Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất công trình - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm: Đường bộ, Đường sắt, Cầu - hầm, Đường thủy nội địa, hàng hải, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều), Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Cấp nước, thoát nước, Xử lý chất thải, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;... - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, bao gồm: Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp - hạ tầng kỹ thuật, Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm: Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp, Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Tư vấn đấu thầu ; - Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;	7110
73.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214

75.	Quảng cáo	7310
76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ; - Tư vấn về công nghệ khác; - Tư vấn về môi trường; - Đánh giá tác động môi trường ; - Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; - Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; - Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; - Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; - Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường;	7490
77.	Cho thuê xe có động cơ	7710
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
79.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
80.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
81.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
82.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
83.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
84.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
85.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
86.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
87.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
88.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
89.	Khai thác muối	0893
90.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
93.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
94.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
95.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
96.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
97.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
98.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

99.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
100.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
101.	Sản xuất đường	1072
102.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
103.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
104.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
105.	Sản xuất chè	1076
106.	Sản xuất cà phê	1077
107.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
108.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
109.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
110.	Sản xuất rượu vang	1102
111.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
112.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
113.	Sản xuất sợi	1311
114.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
115.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
116.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
117.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
118.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
119.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
120.	Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa	1702
121.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
122.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
123.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
124.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
125.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
126.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
127.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
128.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
129.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
130.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô ;	4932
131.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933

132.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
133.	Bốc xếp hàng hóa	5224
134.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	5225
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
136.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
137.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
138.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
139.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
140.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
141.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
142.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
143.	Đại lý du lịch	7911
144.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
145.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
146.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
147.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
148.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
149.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
150.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
151.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
152.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
153.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
154.	Sản xuất điện	3511
155.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động bán buôn, hoạt động bán lẻ điện	3512

156.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
157.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
158.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
159.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
160.	Thu gom rác thải độc hại	3812
161.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
162.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
163.	Tái chế phế liệu	3830
164.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
165.	Xây dựng nhà để ở	4101
166.	Xây dựng nhà không để ở	4102
167.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
168.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
169.	Xây dựng công trình điện	4221
170.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
171.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
172.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
173.	Xây dựng công trình thủy	4291
174.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
175.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
176.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
177.	Phá dỡ	4311
178.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
179.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
180.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
181.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
182.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
183.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
184.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
185.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
186.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

187.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
188.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
189.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
190.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
191.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ bán lẻ thuốc)	4772
192.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Bán lẻ dầu hỏa, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình;	4773

6. Vốn điều lệ: 68.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM DUY PHƯỚC	Số nhà 107, Tổ dân phố Tân Bình, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.652.0 00	26.520.000.000	39,000	0300790002 56	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.652.0 00	26.520.000.000	39,000		
2	HỒ THỊ HUẾ	Số 107, Tổ dân phố Tân Bình, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	748.000	7.480.000.000	11,000	0011840502 03	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	748.000	7.480.000.000	11,000		

3	NGUYỄN THỊ NGỌC	Phòng 403 – CT 7B, KĐT Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.400.000	34.000.000.000	50,000	033189004855
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.400.000	34.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM DUY PHƯỚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030079000256

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 107, Tổ dân phố Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 107, Tổ dân phố Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội